

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

#### **Phần I**

#### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

Năm 2021, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; đồng thời cũng là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, trong đó nổi lên là hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển và vùng ven biển; nghiêm trọng nhất là đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp; đợt dịch lần thứ 4 bùng phát trở lại vào cuối tháng 6, phải thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn toàn tỉnh để tập trung phòng chống dịch, làm đình trệ nhiều hoạt động kinh tế - xã hội, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, kinh doanh, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân.

Trước tình hình đó, với sự chỉ đạo của Trung ương, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và sự đồng hành, tham gia từ cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, sự điều hành quyết liệt của UBND tỉnh với mục tiêu bảo vệ sức khỏe của người dân; quyết tâm khôi phục sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống, thích ứng với tình hình mới. Kết quả cụ thể như sau:

#### **I. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN**

##### **1. Công tác phòng, chống dịch COVID-19**

Là địa phương vừa có đường biên giới trên biển, trên bộ với các quốc gia trong khu vực ASEAN; vừa có cửa khẩu quốc tế, quốc gia, nhiều đường mòn, lối mở; có sân bay, cảng biển quốc tế và nội địa, tiềm ẩn nguy cơ cao về dịch bệnh, nhất là dịch COVID-19. Vì thế, UBND tỉnh luôn chủ động rất cao trong công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Kể từ trước đợt dịch COVID-19 lần thứ 4, mặc dù luôn phải đối mặt với thách thức rất lớn do các đợt bùng phát dịch ở các tỉnh giáp biên của nước bạn Campuchia, lượng người dân Việt Nam di cư về nhiều (có ngày hơn 200 người),

nhưng nhờ xây dựng hệ thống phòng tuyến chặt chẽ nên đã kiểm soát rất tốt tình hình, không để phát sinh ngoài cộng đồng, bảo vệ an toàn sức khỏe cho Nhân dân; củng cố và có tham gia hỗ trợ, giúp đỡ phía Bạn trong công tác phòng, chống dịch.

Phát huy sự chủ động, năng lực phòng ngừa từ công tác phòng, chống dịch tuyến biên giới. Bước vào đợt dịch COVID-19 lần thứ 4 với sự tập trung cao độ và luôn ở mức cảnh báo cao hơn 01 mức so với dự báo. So với các tỉnh, thành phố trong khu vực, đợt dịch thứ 4 bắt đầu ở tỉnh ta từ ngày 21/6, kéo dài cho đến 30/9/2021 với 03 giai đoạn chính: (1) *Giai đoạn 01* từ ngày 21/6 đến ngày 17/8 diễn biến dịch ở mức trung bình thấp và trong tầm kiểm soát chặt của tỉnh (*trung bình 17 ca/ngày; trong đó trong cộng đồng chỉ 3 ca/ngày*). (2) *Giai đoạn 2* từ ngày 18/8 đến ngày 22/9 số ca tăng ở mức cao (*trung bình 127 ca/ngày; trong đó trong cộng đồng 50 ca/ngày*). (3) *Giai đoạn 3* từ ngày 23/9 đến 30/9 được kiểm chế, giảm mạnh và kiểm soát tốt trở lại (*trung bình 60 ca/ngày; trong đó trong cộng đồng 3 ca/ngày*). Có thể nói, đây là đợt dịch gây nghiêm trọng nhất, với thời gian giãn cách xã hội kéo dài (*áp dụng Chỉ thị số 16 toàn tỉnh 01 tháng 18 ngày*).

Trong 03 giai đoạn thì giai đoạn 2 là khó khăn nhất đối với tỉnh ta, số ca tăng nhanh và ở mức cao, cũng là lúc cao điểm về số ca mắc ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành khu vực phía Nam đã tạo áp lực lớn, gây rất nhiều khó khăn cho hệ thống “phòng tuyến” chống dịch của tỉnh, nhất là ở cơ sở. Công tác chỉ đạo, điều hành đôi lúc có lúng túng; việc tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn thiếu quyết liệt và chưa sát với các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia, tỉnh; sự phối hợp giữa các lực lượng làm nhiệm vụ đôi lúc chưa thật sự nhịp nhàng... Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã yêu cầu chấn chỉnh; kiên trì bám sát và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quan điểm, chủ trương, nguyên tắc phòng, chống dịch của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia và Tổ Công tác đặc biệt của Chính phủ; trong đó đã khẩn trương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai xét nghiệm sàng lọc diện rộng, với mục tiêu trong vòng 18 ngày xét nghiệm 03 đợt cho 100% dân số trong vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ, 10 - 15% dân số vùng xanh nhằm nhanh chóng phát hiện và bóc tách F0 ra khỏi cộng đồng, khoanh vùng, xử lý triệt để các ổ dịch. Ngay sau đó, thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã nghiêm túc rút kinh nghiệm, tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh, uốn nắn công tác tổ chức thực hiện tại xã, phường, thị trấn; đồng thời khẩn trương điều chỉnh kế hoạch xét nghiệm sàng lọc, huy động lực lượng tại địa phương cùng sự hỗ trợ của các lực lượng ngoài tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện thần tốc xét nghiệm sàng lọc diện rộng, tập trung ở các xã, phường, thị trấn có mức nguy cơ cao và rất cao trên địa bàn 5 huyện, thành phố trong 5 ngày với 3 đợt. Từ đó, đã mang lại hiệu quả tích cực, số ca mắc mới được kiểm soát và giảm sâu; Ban Chỉ đạo tỉnh đã đánh giá lại mức độ nguy cơ và quyết định dần chuyển trạng thái, giảm mức giãn cách xã hội từ Chỉ thị 16 xuống 15, 19 ở một số địa bàn và sau cùng là toàn tỉnh kể từ ngày 30/9/2021 đến nay.

Ngay sau khi kiểm soát dịch trở lại và chuyển trạng thái “bình thường mới”, tiếp tục đón nhận lượng lớn người dân từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trở về, gây áp lực lớn và nguy cơ rất cao trong phòng chống dịch. Tính đến giữa tháng 11, đã tiếp đón trên 81.870 người, qua test nhanh phát hiện 664 trường hợp dương tính (tỷ lệ 0,81%). Song, nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp với quyết tâm rất cao, đến nay vừa đón tiếp chu đáo người dân trở về, vừa đảm bảo yêu cầu phòng, chống dịch; đồng thời, thực hiện hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người và rà soát, phân nhóm đối tượng lao động để hỗ trợ, giải quyết việc làm trong thời gian tới.

Lũy kế tổng số từ đầu dịch đến ngày 22/11/2021, tỉnh đã thực hiện lấy mẫu xét nghiệm COVID-19 trên 302.020 trường hợp, đã ghi nhận 17.639 trường hợp mắc COVID-19<sup>1</sup>, đã điều trị khỏi 12.496 trường hợp; 182 trường hợp tử vong<sup>2</sup>; 4.961 trường hợp đang điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh; cách ly tập trung 7.175 trường hợp; cách ly tại nhà, nơi lưu trú 10.024 trường hợp. Về thực hiện kế hoạch tiêm chủng vắc-xin ngừa COVID-19, tính đến ngày 22/11/2021 đã thực hiện tiêm cho người dân trên 18 tuổi: mũi 1 đạt 97,77% (1.172.549 người) và tiêm mũi 2 đạt 71,32% (855.279 người). Tiêm cho trẻ em từ 15-17 tuổi: mũi 1 là 63.723 người, đạt 82,86%; học sinh lớp 12 đạt 97,16%.

Bên cạnh tập trung phòng, chống dịch; UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo, đảm bảo công tác vận tải, lưu thông hàng hóa không bị ách tắc, ùng úng; cung cấp đầy đủ nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân, nhất là tại các khu phong tỏa, cách ly; đảm bảo an ninh trật tự; thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, huy động có hiệu quả các nguồn lực ngoài xã hội cùng chung tay, góp sức cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ đời sống Nhân dân gặp khó khăn. **Đặc biệt**, luôn chủ động thực hiện đồng thời “mục tiêu kép” theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, dù tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh có thời điểm hết sức khó khăn. Trong giai đoạn giãn cách xã hội và cao điểm của công tác phòng, chống dịch; đã vận dụng linh hoạt để ban hành danh mục các ngành, nghề được phép hoạt động tương ứng với từng cấp độ dịch, giúp duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng, tiêu thụ trên địa bàn, nhất là trong sản xuất, liên kết, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản; sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản,... Vì vậy, dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh trong cả quý III, nhưng chỉ có tháng 8 là kinh tế có mức sụt giảm, còn lại đều giữ mức ổn định và có tăng nhẹ, từ tháng 9 đến nay mức tăng dần trở lại, luôn khá cao hầu hết các ngành, lĩnh vực. Đã thành lập BCD và ban hành kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế, Kế hoạch thí điểm đón khách quốc tế đến đảo Phú Quốc, Kế hoạch thu hút khách nội địa,... thực hiện tốt Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ ngày 11/10/2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả với dịch COVID-19,... Đến nay, hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ đã dần thích ứng, phục hồi trở lại hoạt động, tiến tới bình thường mới.

<sup>1</sup> Đến ngày 21/6/2021 là 106 trường hợp.

<sup>2</sup> BVĐKKG 178, TTYT huyện Vĩnh Thuận 01, TTYT Tp Hà Tiên 01, TTYT Tp Phú Quốc 01, TTYT huyện Kiên Lương 01.

## 2. Công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn

Ngay từ đầu năm, tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy<sup>3</sup> để ứng phó với tình hình hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra trong những tháng mùa khô đầu năm 2021. Chỉ đạo gia cố, đắp mới các đập ngăn mặn kết hợp vận hành có hiệu quả hệ thống công ngăn mặn - giữ ngọt<sup>4</sup>, đặc biệt đã phối hợp với Ban Quản lý đầu tư - xây dựng thủy lợi 10 đưa vào vận hành tạm thời cống Cái Bé từ tháng 02/2021; cùng với các công trình cấp nước nông thôn tập trung, tình hình nước phục vụ sản xuất, nước sinh hoạt được đảm bảo.

## II. VỀ KINH TẾ

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2021 (*giá so sánh 2010*) ước 63.153,65 tỷ đồng, đạt 95,17% kế hoạch<sup>5</sup>, tăng 0,58% so với cùng kỳ (*cùng kỳ tăng 3,24%*), trong đó: (i) khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 0,93%; (ii) khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 2,25%; (iii) khu vực thương mại - dịch vụ tăng 0,14%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm bằng 94,08%.

Cơ cấu kinh tế: (i) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 41,92%; (ii) khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,5%; (iii) khu vực dịch vụ chiếm 32,33%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,25%.

GRDP bình quân đầu người ước 58,14 triệu đồng/người/năm.

### 1. Về sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản

Trước những khó khăn, thách thức, ngành nông nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả, thực hiện được vai trò "trụ đỡ" cho phát triển kinh tế tỉnh<sup>6</sup>. Sản xuất nông nghiệp dần phát triển theo hướng hàng hóa, tập trung, ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng lợi thế của từng vùng, góp phần thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp; giá trị sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 63,878,9 tỷ đồng, bằng 98,26% kế hoạch, tăng 0,65% so cùng kỳ.

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích lúa gieo trồng là 715.701 ha đạt 101,95% kế hoạch; diện tích thu hoạch 711.903 ha, đạt 99,5% diện tích gieo trồng; sản lượng hơn 4,5 triệu tấn, vượt 2,5% so với kịch bản tăng trưởng và vượt 4,98% so với kế hoạch; trong đó, lúa chất lượng cao chiếm 93,99% diện tích. Toàn tỉnh đã xây dựng được 783 cánh đồng lớn với diện tích 74.968 ha, trong đó, có 682 cánh đồng

<sup>3</sup> Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 11/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ động triển khai các biện pháp ứng phó nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô 2020-2021 ở ĐBSCL; Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 16/10/2020 về thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong mùa khô 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

<sup>4</sup> Các công tuyến đê biển Rạch Giá - Kiên Lương, An Biên - An Minh và tuyến đê bao Ô Môn - Xã No (35 cống) thuộc huyện Giồng Riềng, Gò Quao, các cống trên địa bàn TP. Rạch Giá, huyện Châu Thành (55 cống), U Minh Thượng (17 cống).

<sup>5</sup> Số kế hoạch năm 2021 đã quy đổi về số liệu Tổng cục Thống kê tương đương 66.356,88 tỷ đồng.

<sup>6</sup> Thành lập "Tổ chỉ đạo sản xuất, kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản; phản ánh, phối hợp tháo gỡ khó khăn lưu thông hàng hóa, vật tư nông nghiệp, thu mua, thu hoạch nông sản, thủy sản" trên địa bàn tỉnh; tổ chức nhiều cuộc hội nghị trực tuyến hỗ trợ kết nối tiêu thụ hàng chục nghìn tấn rau màu các loại trong thời gian thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

lớn gắn với liên kết tiêu thụ, diện tích 53.811 ha. Diện tích sản xuất rau màu duy trì ổn định, đạt 12.516 ha, đạt 119,2% kế hoạch và tăng 26,1% so cùng kỳ<sup>7</sup>.

- *Chăn nuôi*: Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt; công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ được tiến hành thường xuyên và đúng quy trình. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong khâu vận chuyển con giống, giá thức ăn, vật tư đầu vào bởi dịch COVID-19 nên tổng đàn gia súc, gia cầm đạt thấp so với kế hoạch<sup>8</sup>; nguy cơ phát sinh lây lan dịch bệnh<sup>9</sup> trong những tháng cuối năm luôn ở mức cao, chăn nuôi an toàn sinh học chưa phát triển.

- *Lâm nghiệp*: Tiếp tục quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng hiện có; chăm sóc diện tích rừng trồng<sup>10</sup>; tỷ lệ che phủ rừng đạt 11%. Chủ động công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã xảy ra 08 vụ cháy rừng, với diện tích cháy 12,09 ha; các lực lượng đã kịp thời dập tắt, không để cháy lớn, cháy lan vào rừng và không thiệt hại tài nguyên rừng<sup>11</sup>.

- *Về thủy sản*: Giá trị sản xuất thủy sản ước 32.687,6 tỷ đồng, đạt 98,7% kế hoạch và tăng 3,99% so cùng kỳ. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng ước 854.330 tấn, đạt 106,9% kế hoạch và tăng 2,2% cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác 568.860 tấn, đạt 111,5% kế hoạch, bằng 99,5% cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng 285.470 tấn, đạt 98,8% kế hoạch và tăng 7,9% cùng kỳ (*riêng sản lượng tôm nuôi nước lợ 104.694 tấn, đạt 106,8% kế hoạch, tăng 12,6% so cùng kỳ*).

Tăng cường công tác quản lý tàu cá và chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác<sup>12</sup>; đến nay, toàn tỉnh đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được 3.632/3.662 tàu cá; số tàu còn lại chưa lắp thiết bị là 30 tàu, phần đầu hoàn thành trong năm 2021. Ban hành kế hoạch thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, gỡ cảnh báo "Thẻ vàng" của Ủy ban Châu Âu với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể<sup>13</sup>. Hàng

<sup>7</sup> Cụ thể: Dưa hấu 1.746ha, đạt 155,9% kế hoạch và tăng 69,5% so cùng kỳ; Khoai lang 1.613 ha, đạt 107,5% kế hoạch và tăng 13,4%; Khoai mì là 374ha, đạt 93,5% kế hoạch và tăng 3,6%; bắp là 325 ha, đạt 108,3% kế hoạch và tăng 15,6% so cùng kỳ.

<sup>8</sup> Trong đó: đàn heo 196.415 con, đạt 78,6% kế hoạch và bằng 98,1%; trâu 4.398 con, đạt 89,8% kế hoạch và bằng 93,1%; bò 10.650 con, đạt 85,2% kế hoạch, bằng 89,3%; gia cầm 3.784 nghìn con, đạt 68,8% kế hoạch và bằng 86,2% so cùng kỳ.

<sup>9</sup> Bệnh Viêm da nổi cục trên bò lần đầu tiên xảy ra vào ngày 26/7/2021 tại huyện Giang Thành, lũy kế đến nay, đã xảy ra tại 67 hộ thuộc 21 ấp, 12 xã, 04 huyện, thành phố (Giang Thành, Kiên Lương, Hà Tiên, Hòn Đất), với tổng số 185 con bò mắc bệnh. Đến nay, đã cơ bản hồi phục, chỉ thiệt hại 01 con bò nái tại huyện Kiên Lương.

- Bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Từ ngày 05/9/2021 đến nay, dịch bệnh đã tái phát, xảy ra 49 ổ dịch, tại 25 xã/phường/thị trấn thuộc 8 huyện/thành phố (Châu Thành, An Minh, Hòn Đất, Tân Hiệp, Rạch Giá, Vĩnh Thuận, Kiên Lương và U Minh Thượng); tiêu hủy 1.065 con heo, trọng lượng 64.352 kg để phòng, chống dịch. Đến ngày 4/11/2021 đã có 06/25 xã, phường, thị trấn có dịch qua 21 ngày không phát sinh thêm ổ dịch mới, gồm Châu Thành 03/7 xã, An Minh 02/3 xã, Hòn Đất 01/02 xã.

<sup>10</sup> Diện tích đất có rừng hiện nay là 76.205,92 ha<sup>10</sup>; trong đó: rừng tự nhiên 58.022,44 ha; rừng trồng đã thành rừng 18.183,48 ha; đất chưa có rừng 13.398,46 ha. Phân theo chức năng, toàn tỉnh có: 39.709,54 ha rừng đặc dụng; 32.065,68 ha rừng phòng hộ; 8.114,41 ha rừng sản xuất và 9.714,75 ha đất ngoài quy hoạch.

<sup>11</sup> Trong đó: Giang Thành 02 vụ, diện tích 3,5 ha; Phú Quốc 06 vụ, diện tích 8,59 ha, hiện trạng đồng cỏ, tràm tái sinh rải rác.

<sup>12</sup> Trong năm 2021 đã cấp 1.045 giấy phép khai thác thủy sản, 501 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, 100 số danh bạ thuyền viên và thực hiện đánh dấu tàu khai thác 1.045 tàu. Tiếp nhận, hướng dẫn và chứng nhận 63 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu cho 03 chủ hàng với khối lượng 472 tấn sản phẩm thủy sản.

<sup>13</sup> Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 08/10/2021: phần đầu đến ngày 31/10/2021, có 100% tàu cá thuộc diện phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình; hàng tháng giảm ít nhất 20% số tàu cá mất kết nối thiết bị giám sát hành trình. Đến hết năm 2021 cơ bản kiểm soát được tình trạng tàu cá mất kết nối.

tuần tiến hành kiểm tra tại các cảng cá, đồn/trạm kiểm soát Biên phòng, nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm tâu cá vi phạm về chống khai thác IUU. Triển khai thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cung cấp, lắp đặt, quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình tâu cá của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kế hoạch phối hợp giữa tỉnh Kiên Giang với Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4, Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân, Chi cục Kiểm ngư Vùng 5 về mở đợt cao điểm tuần tra, kiểm tra chống khai thác IUU tại vùng biển Kiên Giang và vùng biển chồng lấn, chưa được phân định giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản<sup>14</sup>.

*Xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện quyết liệt:* đến nay, đã công nhận 11/9 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*vuợt 2 xã so với kế hoạch*). Lũy kế toàn tỉnh có 90/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 77,6%); 03 huyện (*Tân Hiệp, Giồng Riềng và Gò Quao*) đạt chuẩn nông thôn mới. Hoàn thành thẩm định và đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới.

*Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai tích cực:* đã tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2021 cho 57 hồ sơ của 27 chủ thể trên địa bàn 12 huyện, thành phố; có 57 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên<sup>15</sup>, trong đó 6 sản phẩm đạt 5 sao sẽ tham gia dự thi sản phẩm OCOP cấp quốc gia.

*Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm thực hiện;* tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước nông thôn<sup>16</sup>; kết hợp tuyên truyền, vận động sử dụng tiết kiệm và chủ động dự trữ nước nên việc cấp nước sạch cho nhân dân được ổn định. Ước cuối năm, tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch là 89,41% (kế hoạch 88,15%), tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch là 62% (kế hoạch 62%).

*Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn:* đã hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra cho các hộ dân trên địa bàn các huyện Giồng Riềng, Châu Thành, Tân Hiệp, U Minh Thượng, An Biên, An Minh, Hòn Đất và Kiên Hải với tổng số tiền 369,5 triệu đồng<sup>17</sup>. Đồng thời, tiếp nhận vật tư, thiết bị (05 nhà bạt, 1.000 phao tròn, 20 phao bè) từ nguồn dự trữ quốc gia.

<sup>14</sup> Đến tháng 9/2021, đã xử lý 03 tâu, tổng số tiền là 1.904 triệu đồng; tịch thu 03 tâu; 03 tâu qua điều tra, xác minh đã xác định không vi phạm vùng biển nước ngoài; quyết định xử phạt vi phạm hành chính 04 cá nhân; xây dựng phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị tịch thu do vi phạm hành chính đối với 4 tâu cá có quyết định xử phạt theo quy định.

<sup>15</sup> 39 sản phẩm đạt 3 sao; 12 sản phẩm đạt 4 sao; 6 sản phẩm đạt 5 sao.

<sup>16</sup> Tiếp tục thi công Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận; Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng; Nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống Hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên. Nghiệm thu đưa vào sử dụng: Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh giai đoạn 2016-2020. Sản lượng nước sạch các Trạm cung cấp: 7.484.055/8.200.000m<sup>3</sup> đạt 91,26% kế hoạch. Lượng nước thô cấp cho từ hồ chứa nước Dương Đông: 5.636.583/7.200.000 m<sup>3</sup>, đạt 78,28% kế hoạch.

<sup>17</sup> Gồm: 37 hộ nhà sập, 50 hộ nhà tốc mái, 15 người bị thương, 01 người chết.

## 2. Sản xuất công nghiệp:

Do tác động của dịch COVID-19, cùng với việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội kéo dài đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất, lưu thông hàng hóa; làm gián đoạn chuỗi sản xuất trên địa bàn tỉnh; nhiều doanh nghiệp/cơ sở sản xuất phải ngừng hoạt động hoặc sản xuất cầm chừng; các doanh nghiệp phải thực hiện theo phương án “3 tại chỗ” hoặc “1 cung đường 2 điểm đến”, thực hiện giảm số lượng lao động, hạn chế lưu thông, giới hạn thời gian hoạt động,... đã làm sụt giảm giá trị sản xuất. Ước cả năm, giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) đạt 47.308,91 tỷ đồng, tăng 1,71% so cùng kỳ và bằng 86,94% kế hoạch. Trong đó: ngành công nghiệp khai khoáng 294,07 tỷ đồng, tăng 4,76%; công nghiệp chế biến, chế tạo 44.733,25 tỷ đồng, tăng 1,44% - đây là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GTSXCN toàn tỉnh (*chiếm 94,56%*); sản xuất và phân phối điện, khí đốt 823,20 tỷ đồng, tăng 5,26% và cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải 1.458,39 tỷ đồng, tăng 7,88% so cùng kỳ. Tiếp tục thực hiện đầu tư cải tạo, phát triển lưới điện; tuyên truyền thực hiện các biện pháp tiết kiệm và sử dụng điện hiệu quả. Ước cuối năm, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,6%, đạt 100% kế hoạch.

Về phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu (KCN, KKTCK): Ước cả năm, tổng giá trị đầu tư vào các KCN, KKTCK là 323,57 tỷ đồng, đạt 52,6% kế hoạch và bằng 40,3% cùng kỳ, trong đó: vốn NSNN là 7,217 tỷ đồng; vốn ngoài NSNN là 316,35 tỷ đồng. Lũy kế giá trị đầu tư vào KCN từ khi triển khai đến nay đạt 6.148,89 tỷ đồng. Ước giá trị sản xuất kinh doanh của các DN năm 2021 đạt 6.013,9 tỷ đồng, bằng 71,9% kế hoạch.

## 3. Thương mại - dịch vụ

Các hoạt động thương mại - dịch vụ trong 6 tháng đầu năm vẫn duy trì nhịp độ tăng trưởng khá. Tuy nhiên, trước làn sóng thứ tư của đại dịch COVID-19, hàng loạt các cơ sở lưu trú, ăn uống, lễ hành, khu/điểm vui chơi, giải trí phải tạm đóng cửa; 14 chợ truyền thống tạm dừng hoạt động; sức mua tại các chợ giảm đến 60%, tại siêu thị giảm đến 80% so với ngày bình thường; giá một số mặt hàng (*xăng dầu, khí đốt, phân bón,...*) tăng cao; ảnh hưởng của ngành thương mại - dịch vụ trong giai đoạn này nặng nề hơn so với cùng kỳ năm 2020 (*tổng mức bán lẻ hàng hóa doanh thu dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, lượng khách du lịch trong quý III lần lượt giảm 33,23% - 10,48%*).

- *Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống* ước đạt 111.928 tỷ đồng, bằng 90,2% kế hoạch và tăng 1,02% so cùng kỳ, trong đó: tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 86.736 tỷ đồng, tăng 4,8% so cùng kỳ; lưu trú và ăn uống đạt 12.668 tỷ đồng, giảm 12,5% so cùng kỳ; du lịch lễ hành đạt 196 tỷ đồng, giảm 11,3% cùng kỳ.

- *Xuất, nhập khẩu hàng hóa*: xuất khẩu ước 731 triệu USD, đạt 97,5% kế hoạch, tăng 7,2% cùng kỳ. Trong đó, gạo đạt 243,15 triệu USD, tăng 10,9% so cùng kỳ; rau quả đạt 13,38 triệu USD, tăng 53,8% so cùng kỳ; hải sản đạt 251,55

triệu USD, tăng 7,2% so cùng kỳ. Nhập khẩu ước 125 triệu USD, đạt 125% kế hoạch và giảm 3,4% so cùng kỳ.

- *Du lịch*: thu hút 3,13 triệu lượt khách đến tham quan du lịch, đạt 44,7% kế hoạch, giảm 41,8% so cùng kỳ, trong đó khách đến các cơ sở kinh doanh du lịch 1,47 triệu lượt, đạt 43,3% kế hoạch, giảm 40,59% so cùng kỳ; khách lưu trú 1,42 triệu lượt, đạt 44% kế hoạch, giảm 40,2% so cùng kỳ; khách quốc tế ước 3.500 lượt, đạt 0,88% kế hoạch, giảm 98% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu khoảng 3.199 tỷ đồng, đạt 25,2% kế hoạch, giảm 59,3% so cùng kỳ.

#### 4. Giao thông vận tải

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng giao thông quan trọng của tỉnh, gồm: (i) 12 dự án đang triển khai thực hiện<sup>18</sup>; (ii) 01 dự án mới: Dự án đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); (iii) 03 dự án chuẩn bị đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng mới cầu U Minh Thượng trên đường 965; Dự án đường ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương và Dự án đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với Cà Mau.

Thực hiện đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, tính đến ngày 24/11/2021 đã xây dựng mới 120,5/240km đạt 50,20%; nâng cấp, mở rộng 40,7/220km đạt 18,55%.

Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong công tác quản lý vận tải, phương tiện và người lái. Mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến vận tải hành khách, hàng hóa nhưng không gây ách tắc, so với cùng kỳ năm 2020 sản lượng vận tải vẫn tăng. Ước năm 2021, hoạt động vận tải hàng hóa 13.957/14.006 ngàn.tấn, đạt 99,65% kế hoạch, tăng 0,86% so cùng kỳ; luân chuyển hàng hóa 1.999.537/1.980.549 ngàn tấn.km, đạt 100,96% kế hoạch, tăng 1,12% so cùng kỳ. Vận chuyển hành khách 73.232/98.779 ngàn lượt.HK, đạt 74,14% kế hoạch, giảm 8,34% so cùng kỳ; luân chuyển hành khách 4.853.173/6.489.482 ngàn HK.km, đạt 74,79% kế hoạch, giảm 7,38% so cùng kỳ.

#### 5. Đầu tư - Xây dựng

*Đầu tư công*: Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021 để phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB). Ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Công

<sup>18</sup> (1) Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy U Minh Thượng; (2) Dự án đường Thứ 2 đến Công Sự; (3) Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964, hạng mục XD 07 cầu; (4) Dự án cầu Mỹ Thái; (5) Dự án Cảng hành khách Rạch Giá; (6) Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu; (7) Dự án đường ven biển Rạch Giá - Hòn Đất; (8) Dự án đường tỉnh ĐT.963B; (9) Nâng cấp, mở rộng cầu Hùng Vương; (10) Dự án cải tạo, nâng cấp QL61; (11) Dự án cải tạo, nâng cấp QL80; (12) Dự án đường ven sông Cái Lớn.



văn số 612/UBND-KT để đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài; thành lập 04 Tổ công tác và thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, giao ban, sơ kết để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Qua đó, đã trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn từ các dự án chậm, không có khả năng giải ngân sang các dự án có tiến độ tốt, khả năng giải ngân cao. Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xây dựng các kịch bản và giao trách nhiệm cho các Sở, ban ngành và địa phương hướng dẫn, giám sát các nhà thầu triển khai thi công theo từng cấp độ dịch được ban hành. Chủ động hướng dẫn các đơn vị xây dựng và hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định. Ước đến ngày 31/12/2021, giá trị khối lượng hoàn thành là 4.342.464/5.198.939 triệu đồng, đạt 83,53% kế hoạch; giá trị giải ngân ước đến ngày 31/01/2022 là 4.321.411/5.198.939 triệu đồng, đạt 83,12% kế hoạch.

*Xây dựng:* Công tác quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc được tăng cường. Đã ban hành kế hoạch<sup>19</sup> lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 với mục tiêu đến năm 2024 hoàn thành, phủ kín các quy hoạch vùng, quy hoạch chung đô thị toàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, xử lý, chấn chỉnh kỷ cương trong công tác quản lý trật tự xây dựng, hạn chế tình trạng xây dựng trái phép, không phép, sai quy hoạch, lấn chiếm đất công. Tổ chức triển khai, phổ biến các văn bản có liên quan về lĩnh vực xây dựng đến các cấp, các ngành, chủ đầu tư, doanh nghiệp có liên quan; hướng dẫn các địa phương về công tác quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng và phát triển đô thị.

Tỷ lệ đô thị hóa năm 2021 toàn tỉnh đạt khoảng 34,49%, vượt so với kế hoạch năm là 32,19%; tỷ lệ đô thị hóa nội thị đạt khoảng 28,78%. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 89,41%, vượt so với kế hoạch năm là 88,15%.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tính đến tháng 10/2021, đã thông qua Khung định hướng chiến lược làm cơ sở xác định các mục tiêu, định hướng phát triển chung tỉnh. Dự kiến đến hết năm 2021 hoàn thành xây dựng các nội dung Quy hoạch tỉnh, quý I/2022 sẽ trình Hội đồng thẩm định.

## **6. Tài chính- Ngân hàng**

- *Tài chính:* Tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đồng thời việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước. Song, với sự quyết tâm cao của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, người dân, đã góp phần đảm bảo chỉ tiêu ngân sách theo

<sup>19</sup> Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

dự kiến. Ước tổng thu năm 2021 là 10.105 tỷ đồng, đạt 87,41% dự toán, bằng 83,37% so thực hiện năm 2020, trong đó: thu nội địa 10.045 tỷ đồng, đạt 88,04% dự toán và bằng 84,36% so cùng kỳ, tương ứng hụt 1.365 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 60 tỷ đồng, đạt 40% so dự toán, bằng 28,3% so thực hiện năm 2020. Chi ngân sách theo dự toán, đáp ứng các nhiệm vụ chi cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, hạn hán, xâm nhập mặn, đảm bảo an sinh xã hội; ước thực hiện chi ngân sách là 13.968 tỷ đồng, bằng 90,34% so dự toán HĐND tỉnh giao.

- *Ngân hàng*: Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, đồng bộ, đảm bảo thanh khoản, ổn định thị trường. Duy trì tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng cho vay sản xuất kinh doanh, trọng tâm là các lĩnh vực, ngành ưu tiên; hỗ trợ các tổ chức tín dụng giảm mặt bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen. Tập trung các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho tổ chức, cá nhân vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, triển khai các chương trình, sản phẩm tín dụng ưu đãi lãi suất thấp hơn lãi suất thông thường nhằm khôi phục, ổn định sản xuất kinh doanh<sup>20</sup>. Tổng nguồn vốn hoạt động ước đạt 116.250 tỷ đồng, tăng 10,6% so đầu năm; huy động vốn đạt 58.740 tỷ đồng, tăng 3,23%; doanh số cho vay 139.600 tỷ đồng (82% phục vụ sản xuất kinh doanh); dư nợ cho vay 96.630 tỷ đồng, đạt 101,13% kế hoạch, tăng 9,85% so đầu năm; tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,24% tổng dư nợ.

## 7. Phát triển doanh nghiệp – thu hút đầu tư:

Đề kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh, tỉnh đã triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh<sup>21</sup>; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư<sup>22</sup>. Thực hiện tốt

<sup>20</sup> (i) Đến 30/9/2021, các TCTD trên địa bàn đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ 4.312 khách hàng với giá trị nợ được cơ cấu 2.739 tỷ đồng; Chi nhánh NHCSXH tỉnh cơ cấu nợ cho 8.090 khách hàng với 120 tỷ đồng dư nợ. (ii) Miễn, giảm lãi số tiền 96,7 tỷ đồng (58.492 khách hàng, dư nợ 49.304 tỷ đồng). Trong đó: Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ với số tiền 6,6 tỷ đồng (719 khách hàng, dư nợ 2.276 tỷ đồng); Miễn, giảm lãi do các TCTD trên địa bàn thuộc nhóm 16 TCTD tham gia chương trình đồng thuận giảm lãi suất cho vay theo cam kết và không thuộc nhóm các TCTD tham gia đồng thuận giảm lãi suất cho vay số tiền 90,11 tỷ đồng (tương ứng 47.028 tỷ đồng dư nợ, 57.773 khách hàng). (iii) Cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước dịch COVID-19 đạt 52.967 tỷ đồng (11.160 khách hàng còn dư nợ).

<sup>21</sup> Kế hoạch 116/KH-UBND ngày 7/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

<sup>22</sup> (i) Xúc tiến đầu tư: Hỗ trợ các tập đoàn, công ty đến tìm hiểu, khảo sát thực tế các dự án kêu gọi đầu tư tại thành phố Hà Tiên, huyện Kiên Lương, khu công nghiệp Thạnh Lộc. Giới thiệu dự án đầu tư cho 04 đơn vị có nhu cầu tìm hiểu đầu tư các dự án: Hồ nước ngọt giai đoạn 1 tại thành phố Rạch Giá; dự án điện gió, điện khí; giới thiệu thông tin danh mục dự án kêu gọi hợp tác đầu tư đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước (Ấn Độ, Hàn Quốc,...) trên website: [www.kiengianginvest.com](http://www.kiengianginvest.com). (ii) Xúc tiến thương mại: phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh và chính quyền bang Odisha (Ấn Độ) tổ chức Hội nghị trực tuyến "Hợp tác giữa Kiên Giang và ban Odisha trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản"; đồng thời, tổ chức chương trình kết nối giao thương có sự tham gia của 7 doanh nghiệp, hợp tác xã nông, thủy sản tỉnh với các doanh nghiệp đối tác bang Odisha. Tham dự Hội thảo Quốc tế trực tuyến "Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Châu Phi" do Bộ Ngoại giao tổ chức. Hỗ trợ 07 doanh nghiệp đưa trên 10 sản phẩm đặc trưng của địa phương vào hệ thống siêu thị Co.opMart Rạch Giá và Co.opMart Rạch Sỏi,... (iii) Xúc tiến du lịch: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham dự các hoạt động trong khuôn

công tác cải cách hành chính, nhất là đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế; cấp đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử và nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích,... kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư yên tâm đầu tư và phục hồi, ổn định sản xuất.

- *Về thu hút đầu tư*: tính đến ngày 22/11/2021, toàn tỉnh cấp mới 13 quyết định chủ trương đầu tư, với diện tích 46,543 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 2.290,6 tỷ đồng<sup>23</sup>; cấp điều chỉnh 79 quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư, tăng vốn đầu tư 123,72 tỷ đồng. Ước 02 tháng cuối năm, toàn tỉnh cấp mới thêm 04 quyết định chủ trương đầu tư, với diện tích 7,56 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư 287,656 tỷ đồng. Lũy kế đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 823 dự án, với quy mô 40.769,3 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 544.487,4 tỷ đồng; trong đó, có 375 dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động, chiếm 45,84%/tổng số dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 66.947,90 tỷ đồng, chiếm 12,3%/tổng vốn đầu tư đăng ký.

- *Phát triển doanh nghiệp*: do ảnh hưởng của dịch COVID-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (DN), hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, số DN thành lập mới giảm, số ngừng hoạt động và giải thể tăng. Ước cả năm thành lập mới 1.200 DN, giảm 20% so với năm 2020; số DN giải thể, ngừng hoạt động 1.072 DN, tăng gấp 3 lần so với năm 2020. Lũy kế toàn tỉnh có 10.592 DN với tổng vốn đăng ký 148.333,69 tỷ đồng. Năm 2021, thành lập mới 16 hợp tác xã, bằng 31% so với năm 2020, lũy kế toàn tỉnh có 509 hợp tác xã.

## 8. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, công khai theo đúng quy định. Triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 2022 cấp huyện. Tổng hợp bổ sung danh mục công trình thu hồi đất; danh mục công trình có sử dụng đất lúa, đất rừng của kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; danh mục công trình thu hồi đất; danh mục công trình có sử dụng đất lúa, đất rừng của kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2021, đã thực hiện cấp 28.019 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất<sup>24</sup>. Công tác vận hành cơ sở dữ liệu đất đai được quan tâm chú trọng, đến nay đã hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đến tất cả các Chi nhánh trên địa bàn.

Đẩy mạnh các hoạt động đo đạc, bản đồ, phân giới cắm mốc và công nghệ viễn thám, đã phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược viễn thám trên

khô Hội nghị tổng kết liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh/thành đồng bằng sông Cửu Long năm 2020 tại tỉnh Đồng Tháp như: Tổ chức trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch tại Khu vực Hội quán làng hoa Sa Đéc, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp; Hội nghị giới thiệu sản phẩm, dịch vụ du lịch mới;.....

<sup>23</sup> So với 10 tháng/2020, toàn tỉnh giảm 28 dự án, quy mô giảm 609,237 ha, tổng vốn đăng ký giảm 20.380,39 tỷ đồng.

<sup>24</sup> Trong đó có 966 giấy của tổ chức, 22.417 giấy của hộ gia đình cá nhân, 640 giấy đại trà, 3.966 giấy cấp lần đầu.

địa bàn tỉnh. Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản luôn được quan tâm thực hiện theo quy hoạch; tiến hành triển khai công tác điều tra, đánh giá khoáng sản trên địa bàn tỉnh để lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và dự trữ khoáng sản cho giai đoạn 2020 - 2030; việc cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý tài nguyên nước đi vào nề nếp, đảm bảo quy trình, thủ tục trong việc tham mưu cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước. Ban hành danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp<sup>25</sup> và danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh (*nguồn nước mặt*)<sup>26</sup>.

Chủ động triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý việc thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại trong các khu, cụm công nghiệp; quản lý rác thải nhựa; kịp thời hướng dẫn các các khu điều trị, cách ly tập trung trong công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 98,5%, vượt 5,5% so kế hoạch. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 98%, đạt 100% kế hoạch.

## II. VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI

### 1. Giáo dục và đào tạo:

- Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, tỉnh đã chủ động, kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh thời gian, phương pháp dạy, học vừa đảm bảo phòng, chống dịch COVID-19 và hoàn thành tốt năm học 2020-2021. Tổ chức việc dạy học trực tuyến và trên truyền hình cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh; thực hiện vận động, quyên góp, ủng hộ thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” với hơn 3,5 tỷ đồng và 100 máy tính. Đẩy mạnh triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới, đã phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, 2, 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục toàn tỉnh.

Quy mô và chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được duy trì. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ<sup>27</sup>; toàn tỉnh hiện có 293 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 47,64% (tăng 0,64% so kế hoạch); 144/144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi); tỷ lệ học sinh 6-14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 97,02% (kế hoạch 97%); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2020-2021 đạt 99,61%<sup>28</sup> (kế hoạch 98%); đạt 11 giải tại kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi quốc gia, tăng 08 giải so với năm học 2019-2020, xếp thứ 4/13 tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>25</sup> Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang;

<sup>26</sup> Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang

<sup>27</sup> Kết quả giám 06 trường (MN: tăng 01; TH: giảm 06; TH&THCS: tăng 03; THCS: giảm 04) so với năm học 2020-2021

<sup>28</sup> Nếu tính cả thí sinh giáo dục thường xuyên và thí sinh tự do thì tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98,64%, tăng 0,69% so với năm 2020

- Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đào tạo. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyên đổi số. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo.

## 2. Lĩnh vực y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho Nhân dân được quan tâm thực hiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường; duy trì các kỹ thuật y tế chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho người dân. Tăng cường y tế cơ sở; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại các trạm y tế, xã, phường, thị trấn. Y tế dự phòng được tập trung chỉ đạo trong điều kiện dịch bệnh; chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát, phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là dịch COVID-19. Bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng tăng so với cùng kỳ<sup>29</sup>. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện thường xuyên.

Các chỉ tiêu vượt kế hoạch bao gồm: Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân đạt 31,39 (kế hoạch 31,21), tăng 0,56 giường bệnh/vạn dân so cùng kỳ; tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân là 9,75 (kế hoạch 9,62), tăng 0,8 bác sĩ/vạn dân so cùng kỳ; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 98,62%; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 142/144 xã, đạt 98,61% (kế hoạch 95%), tăng 4,11% so cùng kỳ<sup>30</sup>. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 83,76%, không đạt kế hoạch đề ra (kế hoạch trên 90%), giảm 6,26% so cùng kỳ. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh không còn xã khu vực III nên không được tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ BHYT.

## 3. Về đào tạo nghề, giải quyết việc làm; thực hiện các chính sách xã hội, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới

- Thường xuyên nắm tình hình người lao động, nhất là người lao động bị thôi việc, mất việc, thiếu việc làm do ảnh hưởng của dịch COVID-19; đồng thời, khảo sát nhu cầu sử dụng lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để có phương án hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại và giải quyết việc làm. Trong năm, đã tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tuyến khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận; đưa vào vận hành chính thức Cổng thông tin điện tử về lao động, việc làm và đào tạo nghề tỉnh Kiên Giang. Ước cả năm, giải quyết việc làm cho 33.860 lượt lao động<sup>31</sup>, đạt 96,74% kế hoạch, giảm 4,81% so với cùng kỳ; đào tạo nghề cho 21.250 người<sup>32</sup>, đạt 85% kế hoạch; nâng tỷ lệ

<sup>29</sup> Trong năm, ghi nhận 880 ca mắc sốt xuất huyết (trong đó có 43 ca sốt xuất huyết nặng), tăng 57 ca so với năm 2020. Tay chân miệng có 991 ca mắc, tăng 236 ca so với năm 2020; có 03 trường hợp tử vong (TP. Phú Quốc, Gò Quao, Kiên Hải).

<sup>30</sup> 02 đơn vị không đạt là TT. An Biên, huyện An Biên và TT. Dương Đông, TP. Phú Quốc vì danh mục kỹ thuật không đạt.

<sup>31</sup> Trong đó: Giải quyết việc làm trong tỉnh 20.639 lượt lao động; ngoài tỉnh 13.221 lượt lao động.

<sup>32</sup> Cao đẳng 1.432 người, Trung cấp 3.282 người, Sơ cấp 7.650 người và dạy nghề dưới 03 tháng 8.886 người.

lao động qua đào tạo đạt 68,72%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50,43%.

- Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng; đặc biệt, công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng chính sách người có công được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Tổ chức Lễ truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước cho 54 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tặng thưởng 22 Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ và có con duy nhất là liệt sĩ. Tiếp tục tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác nhận, công nhận người có công.

- Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện khá tốt, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên, đầy đủ, kịp thời cho 53.934 người, với tổng kinh phí 339.538 triệu đồng<sup>33</sup>. Tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn lực thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phát triển sản xuất, giúp các hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Công tác hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 được thực hiện tốt: (i) Về hỗ trợ chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã cụ thể hóa<sup>34</sup> và triển khai thực hiện đầy đủ 11 chính sách, đồng thời vận dụng chính sách số 12 để hỗ trợ cho các lực lượng làm nhiệm vụ tại các chốt. Tính đến cuối tháng 11 đã tổ chức chi hỗ trợ cho 330.572 người, số tiền 584.488 triệu đồng; (ii) Tổ chức triển khai thực hiện phân bổ gạo hỗ trợ cho người dân hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 là 2.278,17 tấn gạo, cho 151.878 đối tượng, đạt 100% kế hoạch. (iii) Thực hiện chi hỗ trợ cho 50.000 người dân trở về từ các tỉnh, thành phố có dịch bệnh COVID-19 với số tiền là 75 tỷ đồng.

- Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe trẻ em, bình đẳng giới luôn được quan tâm thực hiện. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em. Triển khai các hoạt động tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo các cấp.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quyền lợi và chế độ thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người tham gia từng bước được nâng lên. Tỷ lệ tham

<sup>33</sup> Trong đó: đối tượng hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng là 53.644 người, kinh phí 335.897 triệu đồng; đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội là 290 người, kinh phí 3.641 triệu đồng.

<sup>34</sup> Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 27/10/2021 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 18/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 10,54% (kế hoạch 11,9%); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,2% (kế hoạch 3,1%)<sup>35</sup>.

#### 4. Lĩnh vực văn hóa và thể thao, thông tin và truyền thông

Các hoạt động văn hóa, thể thao được triển khai dưới nhiều hình thức hoặc tạm dừng, tạm hoãn để phù hợp với tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử - chính trị - xã hội trong năm<sup>36</sup>. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng cuộc sống gắn với xây dựng nông thôn mới. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử được chú trọng<sup>37</sup>. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng không tổ chức các giải theo kế hoạch; chỉ tổ chức một số giải đấu chào mừng các sự kiện chính trị tiêu biểu và Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Kiên Giang năm học 2020-2021. Thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả nổi bật; đăng cai tổ chức thành công Giải vô địch cử tạ Thanh thiếu niên quốc gia năm 2021; tham gia thi đấu 10 giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế<sup>38</sup>.

Công tác báo chí được tăng cường, các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích. Công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí được các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện nghiêm túc. Báo chí địa phương và báo chí trung ương thường trú tại tỉnh tích cực tuyên truyền trên các lĩnh vực về thời sự chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương<sup>39</sup>, trong đó tuyên truyền đậm nét trước, trong và sau Đại hội lần thứ XIII của Đảng; về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, thực hiện mục tiêu kép về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh đi đôi với phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội...

Hạ tầng bưu chính, viễn thông tiếp tục được quan tâm đầu tư, dịch vụ bưu chính, viễn thông trong tỉnh phát triển khá nhanh, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin, liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội. Các dịch vụ bưu chính cơ bản được triển khai đến vùng sâu, biên giới, hải đảo, 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính. Tính đến hết năm 2021, mật độ thuê bao điện thoại (bao gồm cả cố định và di động) đạt 112,6 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ dân số

<sup>35</sup> Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và giãn cách xã hội, các doanh nghiệp bị hạn chế hoạt động hoặc tạm ngưng sản xuất nên số lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN giảm, thuộc các lĩnh vực: may mặc, giày da, chế biến thủy, hải sản, vận tải, khách sạn, dịch vụ nhà hàng,...; đồng thời, số người tham gia BHXH tự nguyện giảm sâu do không có thu nhập.

<sup>36</sup> Tuyên truyền Mừng Đảng - Mừng Xuân Tân Sửu 2021; Kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; kỷ niệm 46 năm Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; kỷ niệm 76 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9,...; đặc biệt, tuyên truyền và tổ chức an toàn cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tổ chức thành công Lễ Công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thành phố Phú Quốc và các phường thuộc thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2020 (huyện Gò Quao và Giồng Riềng),....

<sup>37</sup> Tổng số di tích được xếp hạng đến nay là 57 di tích (trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 23 di tích cấp quốc gia và 33 di tích cấp tỉnh).

<sup>38</sup> Kết quả đạt 38 huy chương (15 HCV, 09 HCB, 14 HCE); có 06 vận động viên đạt kiện tướng đẳng cấp thế giới, 09 vận động viên đạt kiện tướng đẳng cấp quốc gia.

<sup>39</sup> Đến nay, thông tin trên internet nói về tỉnh Kiên Giang có: 367.578 tin, bài, trong đó: Báo online 151,956 bài; Trang thông tin điện tử (TTĐT) 41.310 bài; Mạng xã hội có 174.312 bài.

được phủ sóng thông tin di động 4G đạt 96%. Dịch vụ truy cập Internet băng rộng đạt 79,7 thuê bao/100 dân.

## 5. Ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ

Thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch<sup>40</sup>. Phát triển nền tảng kết nối chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, cấp tỉnh theo hướng chỉ nhập và thao tác 01 lần, tích hợp chia sẻ dữ liệu được cho nhiều nền tảng. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu của các ngành, dùng chung của tỉnh, bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; tăng cường kết nối, trao đổi thông tin dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước với nhân dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và hệ thống Một cửa điện tử các cấp; tiếp tục nâng cao số lượng cũng như hiệu quả triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; phát triển thanh toán điện tử không dùng tiền mặt, buru chính công ích và chứng thực điện tử.

Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đã triển khai kết nối từ cấp tỉnh đến cấp huyện và 44 điểm cầu cấp xã (hệ thống mở rộng). Qua nhiều nỗ lực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử, theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông về xếp hạng chuyển đổi số năm 2020, tỉnh nằm trong nhóm tốt với thứ hạng 9/63 tỉnh/thành.

Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường, duy trì các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ, nhất là việc đo lường, chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm. Tư vấn, hướng dẫn duy trì, cải tiến, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 ở các cơ quan, đơn vị. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được thúc đẩy mạnh mẽ nhằm tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ thiết thực và hiệu quả cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Công tác quản lý kiểm tra, giám sát các đề tài, dự án, các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm được thực hiện chặt chẽ<sup>41</sup>. Triển khai chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư<sup>42</sup>; Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2021. Tổng kinh phí triển khai các dự án đầu tư khoa học và công nghệ năm 2021 là 25,436 tỷ đồng; ước thực hiện cả năm 22,577 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch.

## 6. Thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục lựa chọn, công nhận người có uy tín và thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu

<sup>40</sup> Kế hoạch 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh

<sup>41</sup> Tổng số đề tài, dự án năm 2021 là 37, trong đó: Cấp quốc gia: 03 đề tài, dự án đang triển khai thực hiện; cấp tỉnh: 20 đề tài, dự án đang thực hiện (đã nghiệm thu 03); cấp cơ sở: 14 đề tài, dự án đang thực hiện (đã nghiệm thu 08).

<sup>42</sup> Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021 thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị.



số theo quy định. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), nhất là hỗ trợ đồng bào cho vay vốn phát triển sản xuất, dạy nghề, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, giải quyết việc làm, góp phần làm cho kinh tế, đời sống vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển<sup>43</sup>. Công tác bảo tồn bản sắc văn hóa các DTTS luôn được gìn giữ và phát huy; an sinh xã hội vùng dân tộc tiếp tục được quan tâm thực hiện; tổ chức thăm, tặng quà và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc đón Lễ, Tết theo phong tục truyền thống<sup>44</sup>; kịp thời hỗ trợ hộ nghèo, hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỗ trợ các lực lượng phòng, chống dịch và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19<sup>45</sup>; hỗ trợ học sinh vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn, trường phổ thông DTNT dạy và học trực tuyến; đầu tư xây dựng trạm y tế xã vùng DTTS, 100% các xã đặc biệt khó khăn có Trạm Y tế đủ điều kiện khám chữa bệnh cho người dân... góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS, giảm nghèo bền vững, thay đổi tích cực diện mạo nông thôn vùng đồng bào DTTS.

### **III. QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO; THANH TRA; PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT**

#### **1. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại**

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Các lực lượng vũ trang duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, tăng cường đảm bảo an ninh trật tự; thực hiện tốt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, phối hợp tuần tra kiểm soát, bảo vệ chủ quyền biển đảo và an ninh biên giới. Công tác tuyến quân theo đúng kế hoạch. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình, chủ động ngăn chặn từ biên giới, trên các tuyến đường mòn, lối mở; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại trên biên giới, vùng biển từng bước có hiệu quả. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, trật tự tại khu vực phong tỏa, khu cách ly tập trung, cơ sở thu dung, điều trị COVID-19.

- Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 710 vụ, giảm 72 vụ (*bằng 9,21%*) so với cùng kỳ. Điều tra khám phá 678/710 vụ tội phạm về trật tự xã hội (*đạt 95,49%*), bắt xử lý 1.230 đối tượng; án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng khám phá 65/66 vụ.

<sup>43</sup> Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho 248 người DTTS, giải quyết việc làm cho 3.137 lượt người; hỗ trợ 57 người DTTS vay vốn Quỹ Quốc gia về việc làm, với số tiền 2.394 triệu đồng, xuất khẩu lao động.

<sup>44</sup> Nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, tỉnh đã tổ chức thăm, chúc Tết 06 tập thể và tặng 100 suất quà cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người có uy tín trong đồng bào DTTS. Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây, hỗ trợ cho 2.339 hộ nghèo là đồng bào dân tộc Khmer với tổng số tiền là 701,7 triệu đồng; gửi Thư chúc Tết bằng hai thứ tiếng Việt - Khmer; tổ chức 07 Đoàn đi thăm, chúc Tết, tặng quà Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh, 20 chùa, 09 vị chức sắc, 40 gia đình chính sách, 03 Mẹ Việt Nam anh hùng, 10 cán bộ hưu trí tiêu biểu là người dân tộc Khmer, với kinh phí 58,88 triệu đồng. Nhân dịp lễ Sene Đôn Ta, tổ chức 04 đoàn thăm, chúc mừng và tặng quà Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh và 14 chùa Phật giáo Nam tông Khmer; 30 gia đình chính sách, 07 vị chức sắc, 11 cán bộ hưu trí tiêu biểu là dân tộc Khmer với kinh phí là 41,6 triệu đồng,...

<sup>45</sup> Do ảnh hưởng của thời tiết kèm theo giông, lốc có 09 căn của hộ đồng bào DTTS bị ảnh hưởng (sập 02 căn, tốc mái 07 căn); tỉnh đã kịp thời hỗ trợ, vận động đồng bào vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

- Tai nạn cháy, nổ xảy ra 12 vụ (*giảm 18 vụ so cùng kỳ*) chết 01 người (*giảm 01 người so cùng kỳ*), bị thương 01 người (*giảm 20 người so cùng kỳ*), thiệt hại tài sản khoảng 4,9 tỷ đồng.

- Trật tự an toàn giao thông: Số vụ tai nạn giao thông, số người bị thương giảm, nhưng số người chết tăng. Tai nạn giao thông đường thủy tăng, có vụ nghiêm trọng, làm chết và bị thương nhiều người. Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/11/2021, toàn tỉnh xảy ra 99 vụ (*giảm 10 vụ*), chết 71 người (*tăng 06 người*), bị thương 53 người (*giảm 15 người*).

- Thực hiện kịp thời công tác bảo hộ công dân và biên giới lãnh thổ quốc gia, đặc biệt là phối hợp hiệu quả phòng chống dịch COVID-19 tại các địa phương giáp biên giới.

## **2. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng**

- Công tác thanh tra được các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt theo kế hoạch. Tính đến ngày 15/11/2021, thanh tra các cấp đã triển khai 121 cuộc, kết thúc 98 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực về quản lý, sử dụng ngân sách, trong đó có lồng ghép nội dung thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý, sử dụng đất đai; quản lý đầu tư xây dựng.

- Từ đầu năm đến nay, tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, số lượng đơn toàn tỉnh giảm 250 đơn (*trong đó: Khiếu nại giảm 245, tố cáo giảm 05*), giảm 58% so với cùng kỳ. Trong năm 2021, UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chủ tịch UBND các cấp, Giám đốc các sở, ngành đã tổ chức tiếp được 694 kỳ với 718 người, 09 lượt đoàn đông người với 207 người (tiếp nhiều lần)<sup>46</sup>. Trong đó, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp định kỳ, đột xuất và đối thoại 08 kỳ 41 người. Ban Tiếp công dân và thanh tra các cấp, các ngành tiếp thường xuyên 3.260 người, 12 lượt đoàn đông người với 417 người.

- Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, UBND tỉnh kịp thời cụ thể hóa văn bản pháp luật hiện hành và chỉ đạo của Trung ương, ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường thực hiện công tác PCTN bằng nhiều hình thức; các ngành và địa phương nghiêm túc quán triệt, cụ thể hóa, chỉ đạo thực hiện các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác phòng, chống tham nhũng; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản của Đảng, pháp luật của nhà nước, trọng tâm là Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy<sup>47</sup>.

<sup>46</sup> Trong đó, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp định kỳ, đột xuất và đối thoại được 08 kỳ 41 người. Ban Tiếp công dân và thanh tra các cấp, các ngành tiếp thường xuyên được 3.260 người, 12 lượt đoàn đông người với 417 người.

<sup>47</sup> Tổ chức 1.018 cuộc tuyên truyền các chính sách pháp luật, trong đó lồng ghép tuyên truyền pháp luật PCTN được 280.243 lượt cán bộ, công chức người dân tham dự.

## IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

### 1. Về công tác xây dựng chính quyền:

Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, góp phần tổ chức thành công tác bầu cử theo kế hoạch, bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. HĐND các cấp đã bầu UBND các cấp bảo đảm cơ cấu, số lượng đúng quy định.

Về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế: Trong năm 2021, UBND tỉnh đã hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với 06 cơ quan chuyên môn cấp huyện<sup>48</sup>. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với: Sở Tư pháp, Sở Nội vụ (giảm 01 Chi cục), 07 chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho Vườn Quốc gia U Minh Thượng và 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức lại Trung tâm Lưu trữ lịch sử thuộc Sở Nội vụ; quy định số lượng cấp phó 20 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Từ đó nâng kết quả đạt được trong giai đoạn 2015-2021, toàn tỉnh đã tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện giảm được 68/362 phòng, ban chuyên môn, tỉ lệ 18,7% (trong đó cấp tỉnh giảm 44/173 phòng, ban và cấp huyện giảm 24/189 phòng, ban). Sắp xếp giảm được 93 đầu mối đơn vị sự nghiệp, đạt 93%/100% kế hoạch (giảm 284/284 biên chế công chức hành chính, giảm 10%, đạt 100% kế hoạch; giảm 3.318/3.318 biên chế sự nghiệp, giảm 10% đạt 100% theo kế hoạch).

- Kịp thời kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý các sở, ban, ngành tỉnh sau Đại hội để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm 29 trường hợp, bổ nhiệm lại 10 trường hợp đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền.

### 2. Công tác cải cách hành chính Nhà nước:

Công tác cải cách luôn được chú trọng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước trên địa bàn. Tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Kế hoạch cải thiện và nâng lên các chỉ số PCI và PAPI cấp tỉnh. Thực hiện phân tích kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 và Chỉ số hài lòng sự phục vụ các cơ quan hành chính năm 2021 ngay sau khi Bộ Nội vụ công bố, trên cơ sở đó đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế để cải thiện các chỉ số trong thời gian tới, đồng thời ban hành Kế hoạch Cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Cải cách hành chính (PAR INDEX); Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) và Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Kiên Giang.

<sup>48</sup> Gồm: Phòng Tư pháp, Phòng Nội vụ, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Văn hóa và Thông tin.

Triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), tổng số TTHC đang có hiệu lực 1.928 thủ tục, số TTHC thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công là 1.545 TTHC.

Hoạt động Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính được duy trì thực hiện phù hợp theo từng cấp độ dịch. Tăng cường nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và bưu chính công ích, tổng số hồ sơ tiếp nhận 26.402 hồ sơ (trong đó trực tuyến 12.767 hồ sơ, bưu chính 13.635 hồ sơ), hồ sơ đã giải quyết 22.879 hồ sơ (trong đó trước hạn là 11.622 hồ sơ, đúng hạn là 8.624 hồ sơ, trễ hạn là 2.633 hồ sơ), hồ sơ đang giải quyết là 827 hồ sơ (trong đó trong hạn là 478 hồ sơ, quá hạn là 349 hồ sơ).

## V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

Năm 2021, trong bối cảnh hết sức khó khăn và nhiều thách thức gấp nhiều lần so với năm 2020, nhất là: xâm nhập mặn diễn ra sớm và gay gắt hơn; dịch COVID-19 bùng phát lần thứ tư với diễn biến phức tạp hơn đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước tình hình đó, bám sát phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã linh hoạt, chủ động, quyết tâm, quyết liệt thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án, kịch bản đề ra. Trong 24 chỉ tiêu được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, thực hiện đạt và vượt 13 chỉ tiêu, còn lại 11 chỉ tiêu không đạt. Trong đó:

a) *Đối với công tác phòng, chống dịch COVID-19*: Thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19; linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo kịp thời với diễn biến trên địa bàn cụ thể; ngăn chặn kịp thời các giai đoạn cao điểm trong phòng chống dịch, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về kinh tế, sức khỏe, tính mạng của Nhân dân. Trong tổ chức thực hiện đã kiên trì, quyết liệt, gắn với kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chấn chỉnh uốn nắn, thường xuyên; nhất là đối với cấp cơ sở, theo nguyên tắc “*chủ trương 1, tổ chức thực hiện 10*”, bảo đảm chặt chẽ, thực chất. Huy động sự vào cuộc cùng quyết tâm phòng, chống dịch của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân; trong đó lấy người dân làm trung tâm phục vụ, là chiến sỹ và cũng là chủ thể của phòng, chống dịch. Kết hợp linh hoạt giữa kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài, tầm soát có trọng tâm ở bên trong, không để “*chật ngoài, lỏng trong*”. Đảm bảo năng lực y tế dự phòng, trang thiết bị, thuốc, hóa chất, sinh phẩm, phương tiện và nguồn lực trong phòng chống dịch.

b) *Đối với duy trì sản xuất, kinh doanh; khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội*: triển khai nhiều giải pháp, phương án và kể cả xây dựng, sau đó phải điều chỉnh kịch bản nhiều lần để thực hiện “*mục tiêu kép*”; chủ động nghiên cứu, ban hành quy định tạm thời<sup>49</sup> các ngành nghề, lĩnh vực được phép hoạt động trong thời gian thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, không để đứt gãy chuỗi sản

<sup>49</sup> Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh

xuất, cung ứng của các doanh nghiệp, người dân hoặc làm gián đoạn thi công các công trình. Ban hành và triển khai nhiều kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế<sup>50</sup>. Đặc biệt là trong 03 tháng cuối năm, ngay sau khi dịch bệnh được kiểm soát trở lại, UBND tỉnh đã thực hiện ngay nhiều giải pháp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư; trực tiếp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm việc với các Hội, Hiệp hội, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong các lĩnh vực trọng điểm về sản xuất công nghiệp, khai thác thủy sản, chế biến, xuất khẩu,... tổ chức đối thoại doanh nghiệp để động viên, tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp an tâm sản xuất trở lại, tiếp tục khôi phục, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng thích ứng linh hoạt, an toàn, phòng chống dịch COVID-19.

Tuy tăng trưởng kinh tế của tỉnh không đạt như kỳ vọng nhưng với những quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân, sự đồng hành của các doanh nghiệp, những kết quả đạt được là đáng ghi nhận. Kinh tế tăng trưởng dương và đạt khá so với kịch bản, đồng thời cả 3 khu vực đều đạt mức tăng trưởng dương. Sản xuất khu vực I tăng trưởng khá và theo sát kịch bản tăng trưởng, sản lượng vượt kế hoạch đề ra, đã bù đắp được phần nào thiếu hụt của các ngành, lĩnh vực khác; dù có khó khăn trong thời điểm dịch bệnh bùng phát mạnh nhưng người dân được hỗ trợ và tạo điều kiện kịp thời thu hoạch, vận chuyển, thu mua nông sản và thủy sản. Các giải pháp khôi phục sản xuất kinh doanh bước đầu phát huy hiệu quả. Các phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn lưu thông và cung ứng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm thực hiện; triển khai kịp thời các chính sách an sinh xã hội, nhất là hỗ trợ người dân do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

## 2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù có nhiều cố gắng, nỗ lực vượt lên khó khăn, thách thức. Tuy nhiên trong từng lĩnh vực còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cần phải nghiêm túc khắc phục trong thời gian tới, cụ thể:

a) *Về công tác phòng, chống dịch:* Các cấp, các ngành có lúc, có nơi vẫn còn tư tưởng chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp còn thiếu đồng bộ, chưa quyết liệt, lúng túng trong xử lý tình huống, nhất là giai đoạn đầu khi dịch bùng phát mạnh. Vai trò của cơ quan tham mưu trong phòng, chống dịch có lúc chưa thật sự chủ động và còn hạn chế ở một số mặt, ý tế tuyến cơ sở còn yếu về chuyên môn, thiếu trang thiết bị. Một bộ phận người dân chấp hành chưa nghiêm các quy định về phòng, chống dịch, dẫn đến dịch bệnh vẫn còn lây lan trong cộng đồng. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực

<sup>50</sup> Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 22/10/2021 về việc thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 21/10/2021 thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc xin”, Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 29/10/2021 về triển khai các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2051/UBND-KT ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 03/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, văn bản chỉ đạo tiếp tục thực hiện duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp, nơi sản xuất tập trung,...

phòng, chống dịch đôi lúc chưa kịp thời, còn bị động.

*b) Trong phát triển kinh tế:*

- Trong 11 chỉ tiêu được Hội đồng nhân dân tỉnh giao không đạt kế hoạch thì có 08 chỉ tiêu thuộc lĩnh vực kinh tế, tập trung ở khu vực 2, 3. Thu ngân sách nhà nước giảm, trong đó một số nguồn thu đạt thấp: Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương, thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh, thu phí lệ phí.....

- Việc mở rộng quy mô diện tích liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn còn hạn chế so với tiềm năng phát triển sản xuất của địa phương; chi phí đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng cao, đặc biệt giá vật tư, phân bón tăng cao, nguy cơ giảm hiệu quả sản xuất của nông dân trong thời gian tới. Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài vẫn còn xảy ra. Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm có chiều hướng diễn biến phức tạp nhất là bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò; dịch tả heo Châu Phi.

- Giải ngân vốn đầu tư công đạt rất thấp so với kế hoạch. Công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án chưa tốt, chất lượng chưa cao dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện, xử lý kỹ thuật còn kéo dài, trong đó có một số công trình trọng điểm. Nhiều dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 và dự án sử dụng vốn ODA còn chậm điều chỉnh hồ sơ thủ tục theo quy định, làm chậm việc giải ngân<sup>51</sup>. Một số nhà thầu không đủ năng lực để thực hiện, tiến độ không đúng hợp đồng đã ký nhưng vẫn được chủ đầu tư, BQL dự án không thực hiện xử phạt, xử lý cắt hợp đồng. Nhiều dự án chậm giải ngân do thực hiện giải phóng mặt bằng, nhất là đối với các dự án giao thông, nông nghiệp, các dự án sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất, ghi thu ghi chi.

- Công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa theo kịp yêu cầu đảm bảo mặt bằng để triển khai các dự án; công tác xác định giá vẫn còn chậm.

*c) Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội:*

- Chất lượng, hiệu quả dạy và học trực tuyến vẫn còn hạn chế; điều kiện học tập trực tuyến ở một số nơi không đồng đều, thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh chưa đáp ứng yêu cầu<sup>52</sup>. Cơ sở vật chất tuy được quan tâm đầu tư song chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

<sup>51</sup> Đến hết tháng 10/2021 vẫn còn dự án đang hoặc chưa triển khai tổ chức đấu thầu: chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat); trung tâm Y tế huyện Giang Thành; trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng; cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020; nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quáo); đôn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông.

<sup>52</sup> Theo thống kê đến ngày 23/9/2021, toàn tỉnh còn 83.246 học sinh phổ thông thiếu thiết bị học tập trực tuyến (chiếm gần 30%); trong đó, có 6.121 học sinh thuộc hộ nghèo (chiếm 7,35%), 10.459 học sinh thuộc hộ cận nghèo (chiếm 12,6%).

- Do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 và thực hiện giãn cách xã hội nên quá trình thực hiện các Chương trình y tế gặp nhiều khó khăn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập. Các bệnh truyền nhiễm, nhất là sốt xuất huyết, tay chân miệng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng sức khỏe của người dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị một số Trung tâm y tế đã xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh và chưa đáp ứng công tác phòng, chống dịch. Nguồn nhân lực y tế vẫn còn thiếu so với nhu cầu, nhất là bác sĩ làm việc cố định ở các trạm y tế xã.

- Các lĩnh vực sản xuất và đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhất là đối với người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, lao động thời vụ, lao động tự do, bán vé số,...; nhiều doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất; hoạt động xuất khẩu lao động bị hạn chế; các chỉ tiêu giải quyết việc làm, tuyển sinh, đào tạo nghề chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp do tác động của dịch bệnh có lúc, có nơi còn chậm.

*d) Trong lĩnh vực cải cách hành chính, xây dựng chính quyền:* Mặc dù có nhiều tiến bộ nhưng cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn, trễ hạn còn xảy ra ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) liên tục sụt giảm làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh và tính cạnh tranh của tỉnh.

### **3. Nguyên nhân:**

*Khách quan:* Dịch bệnh COVID-19 diễn biến nhanh, phức tạp, kéo dài trên diện rộng; cùng với ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập đã tác động mạnh mẽ và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội trong tỉnh.

*Chủ quan:* Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa quyết liệt, chủ động, kịp thời; vai trò, trách nhiệm của một bộ phận người đứng đầu các ngành, các cấp chưa cao; năng lực, trình độ, ý thức chấp hành kỷ luật của một số bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ, chưa thực sự hiệu quả. Đặc biệt trong đó là sự thiếu chủ động, thiếu kiểm tra, đôn đốc và quyết liệt của người đứng đầu đơn vị.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Năm 2022, tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức có thể sẽ nhiều hơn. Dịch bệnh COVID-19 sẽ còn tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng hơn. Theo dự báo của các chuyên gia thì kinh tế thế giới có thể sẽ phục

hồi nhưng chưa thật sự bền vững, rủi ro tiếp tục gia tăng. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, nhưng sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa toàn diện nền kinh tế; rủi ro lạm phát gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ luôn tiềm ẩn.

Trong tỉnh, dịch bệnh COVID-19 còn đang diễn biến phức tạp tại một số địa phương; mặc dù tỷ lệ tiêm vắc xin của tỉnh đạt mức cao nhưng tâm lý chủ quan, không thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch của một bộ phận người dân đã và đang là nguy cơ có thể gây bùng phát dịch trở lại. Chuỗi cung ứng hàng hóa và lao động khó phục hồi ngay trong những tháng cuối năm 2021, cùng với chi phí logistics tăng cao, lượng tồn kho lớn, nguồn tài chính suy giảm là những cản trở lớn đối tiến trình khôi phục lại hoàn toàn hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Sức cầu của thị trường trong tỉnh còn thấp, nhu cầu chủ yếu tập trung vào các mặt hàng thiết yếu, nhu cầu hàng tiêu dùng giảm do tâm lý tiết kiệm và thu nhập của người dân sụt giảm trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch,... và đời sống Nhân dân. Trong khi đó, tỉnh tiếp tục phải đối mặt với thách thức rất lớn là phải tiếp tục ưu tiên nguồn lực để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và khắc phục tác động của dịch bệnh, thiên tai. Ngoài ra, các hạn chế nội tại của nền kinh tế tỉnh như: Sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản thấp; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; nguồn lực huy động tại chỗ cho đầu tư phát triển chưa nhiều; trình độ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng,... sẽ là rào cản cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trong năm 2022.

Tuy nhiên, với tinh thần không lùi bước trước khó khăn thách thức, tiếp đà phục hồi kinh tế trong những tháng cuối năm 2021, phấn đấu bắt kịp tăng trưởng của cả nước trong năm 2022 trên cơ sở bám sát quan điểm phát triển theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và hệ thống chính trị; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào nội lực là chính, ngoại lực là cần thiết, quan trọng.

Trên tinh thần đó, UBND tỉnh đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, cụ thể như sau:

## **II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Chăm lo sức khỏe, bảo vệ tính mạng của người dân là trên hết, trước hết; từng bước thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19.

- Tập trung tận dụng tốt cơ hội, nắm bắt thời cơ để phục hồi và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 với các giải pháp hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn



cho người dân, doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các khâu đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo nguồn lực được bố trí và cân đối.

- Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành công tác lập Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chú trọng phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khơi thông các nguồn lực cho phát triển.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử. Tiếp tục sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, hành động. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường quốc phòng an ninh và giữ vững trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

## 2. Mục tiêu chủ yếu

(1) Tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt từ 6,02% trở lên.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt từ 61,3 triệu đồng/người/năm *(theo giá hiện hành)*.

(3) Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - thủy sản chiếm 39,42%; công nghiệp - xây dựng chiếm 21,45%; dịch vụ chiếm 33,8% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 5,33%.

(4) Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản đạt từ 99,09% so với cùng kỳ trở lên.

(5) Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Công nghiệp đạt từ 8%.

(6) Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt từ 11,68% trở lên *(giá hiện hành)*.

(7) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 11.048 tỷ đồng

(8) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt từ 41.111 tỷ đồng.

(9) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 35,6%

(10) Giải quyết việc làm cho 35.000 lượt lao động.

(11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,5%; trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50,5%.

(12) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giữ ở mức 1%.

*(Tỷ lệ hộ nghèo giảm theo tiêu chí mới của Trung ương giao).*

- (13) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 90%.
- (14) Phân đầu xây dựng thêm 14 xã đạt chuẩn NTM; có 03 xã NTM nâng cao và 01 xã NTM kiểu mẫu.
- (15) Phân đầu có thêm 2 huyện đạt chuẩn NTM.
- (16) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 52%.
- (17) Tỷ lệ huy động học sinh từ 6 - 14 tuổi đến trường đạt 97,2%.
- (18) Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 98,61%.
- (19) Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân là 9,83 BS/VD.
- (20) Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân là 32 G/VD.  
(không bao gồm giường trạm y tế)
- (21) Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 64,1%.
- (22) Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch đạt 88,33%<sup>53</sup>.
- (23) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 96%, chất thải y tế đạt 98%.
- (24) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 11%.

### III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Trên cơ sở quan điểm: ***“Lấy nông nghiệp làm nền tảng, phát triển dịch vụ du lịch là bức phá, thúc đẩy công nghiệp - xây dựng để góp phần đảm bảo tăng trưởng”***. Để thực hiện hoàn thành mục tiêu đề ra của năm 2022, UBND tỉnh đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

#### 1. Về phòng, chống dịch COVID-19

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác phòng, chống dịch COVID-19. Chủ động rà soát, bổ sung các phương án, kịch bản phù hợp với tình hình mới theo phương châm ***“thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả với dịch COVID-19”***.

- Thực hiện hiệu quả phương châm ***“5K + vắc xin + điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân + các biện pháp cần thiết khác”***. Nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở, đảm bảo kịp thời thuốc, trang thiết bị để điều trị tích cực từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở, góp phần giảm chuyển nặng, giảm tử vong. Phát huy vai trò của Tổ COVID-19 trong cộng đồng, kịp thời ngăn chặn, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, nhất là các khu vực quan trọng như các đô thị lớn, khu công nghiệp, trường học,... Ưu tiên nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch trên cơ sở kết hợp linh hoạt, hài hòa giữa phòng, chống dịch và phát triển kinh tế. Đẩy mạnh chiến dịch tiêm vắc xin COVID-19 để đạt bao phủ vắc xin toàn dân, tiến tới ***“bình thường mới”*** các hoạt động kinh tế - xã hội trong năm 2022. Tăng

<sup>53</sup> Năm 2022 có tính thêm Đô thị thứ 7 – An Biên, Kế hoạch năm 2022 tỷ lệ nước sạch Đô thị Thứ 7 khoảng 58%.

cường thông tin, truyền thông gắn với kiểm tra, xử lý vi phạm các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

- Chủ động bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, giảm thu nhập do ảnh hưởng dịch COVID-19 và khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch,...

## **2. Phục hồi, phát triển kinh tế**

### *a) Về nông - lâm nghiệp và thủy sản*

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Theo dõi sát diễn biến của thời tiết, đặc biệt là tình hình hạn hán, xâm nhập mặn để kịp thời hướng dẫn người dân thay đổi lịch mùa vụ, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp bền vững với quy mô lớn, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo chuỗi giá trị, nhằm bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm. Tiếp tục lựa chọn giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện của từng vùng gắn với tăng cường tập huấn, hướng dẫn người dân kỹ thuật trồng, chăm sóc để tăng hiệu quả sản xuất. Đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng sản xuất tập trung, có hợp đồng liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm. Phần đầu sản lượng lúa đạt từ 4,4 triệu tấn trở lên, tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt trên 88% diện tích gieo trồng.

Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi phù hợp; phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững, an toàn sinh học, chất lượng cao. Tăng cường phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở giết mổ. Giữ vững ổn định đàn heo, không để lây lan dịch bệnh, nhất là dịch tả heo Châu Phi, phần đầu cả năm tổng đàn heo đạt 305 nghìn con.

Tập trung ưu tiên nguồn lực thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Trên cơ sở kế hoạch 05 năm, tập trung soát, xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch thực hiện 02 Chương trình này, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng và nhân rộng các mô hình, cách làm hay trong xây dựng NTM. Phần đầu xây dựng thêm 14 xã đạt chuẩn NTM; có 03 xã NTM nâng cao và 01 xã NTM kiểu mẫu, cả năm có thêm 02 huyện được công nhận huyện NTM; nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP của địa phương, góp phần tăng năng suất lao động, tạo giá trị thương hiệu của sản phẩm, nâng cao thu nhập ổn định đời sống của người nông dân.

Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích đầu tư và hỗ trợ phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, nuôi ven biển, ven đảo và nuôi biển theo hướng bền vững; khai thác thủy sản xa bờ nhằm nâng cao hiệu quả nghề khai thác gắn liền

với bảo vệ và phát triển thủy sản bền vững. Phấn đấu tổng sản phẩm khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt từ 94% đến tương đương năm 2021. Triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp khắc phục thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

#### *b) Về công nghiệp*

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 03/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phục hồi sản xuất tại các khu vực sản xuất công nghiệp trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh COVID -19; thực hiện kịp thời, có hiệu quả các gói, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Trung ương, của tỉnh<sup>54</sup>, để giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh, nhất là những nhóm ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, những ngành nghề dễ bị tổn thương do dịch bệnh. Đồng thời, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp kết nối giữa nhà sản xuất, cung ứng, tiêu thụ trong và ngoài nước để khôi phục thị trường tiêu thụ, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn hàng tồn kho. Phấn đấu khôi phục 100% hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh doanh, khu, cụm công nghiệp; góp phần tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp từ 8% trở lên.

Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi, thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; tập trung nguồn lực để đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng và tiếp tục kêu gọi đầu tư khu công nghiệp Thạnh Lộc (giai đoạn 1), cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam (giai đoạn 1),...

#### *c) Về thương mại, dịch vụ, du lịch*

Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, liên tỉnh để bảo đảm lưu thông hàng hóa, khôi phục lại chuỗi cung ứng, phục vụ tốt cho quá trình phục hồi sản xuất kinh doanh, nhất là giữa tỉnh với thành phố Hồ Chí Minh và với tỉnh, thành trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực phía Nam sông Hậu. Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bình ổn thị trường trong những tháng cuối năm 2021 và tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và chương trình mỗi xã 01 sản phẩm. Tổ chức tốt các chương trình xúc tiến thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia và tổ chức đưa các sản phẩm chủ lực, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và sản phẩm OCOP của tỉnh tham dự các Hội chợ triển lãm công nghiệp, thương mại, các Chương trình kết nối cung - cầu hàng hóa trong và ngoài nước nhằm giới thiệu, quảng bá thương hiệu các doanh nghiệp và kết nối tiêu thụ. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và khai thác lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA, EVFTA, CPTPP, RCEP...). Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Phấn đấu tốc tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt từ 11,68% trở lên.

<sup>54</sup> Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 09/30/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xúc tiến đầu tư, quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch Kiên Giang, là điểm đến du lịch văn minh, sạch đẹp, an toàn và thân thiện. Tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc-xin” theo lộ trình, phấn đấu mở cửa thị trường khách quốc tế trở lại từ quý II/2022; Kế hoạch phục hồi và thu hút khách du lịch nội địa đến với Kiên Giang. Tăng cường liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành trong và ngoài nước; đa dạng hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; chú trọng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP, phát triển các ngành nghề truyền thống gắn với du lịch. Tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp du lịch đầu tư phát triển cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới để phục hồi, phát triển du lịch sau dịch COVID-19; đồng thời, tổ chức tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, nhất là tại các địa bàn du lịch trọng điểm của tỉnh. Phấn đấu trong năm 2022, thu hút 5,6 triệu lượt khách đến tham quan du lịch; trong đó khách quốc tế đạt 200.000 lượt khách, tổng doanh thu đạt 7.746 tỷ đồng.

*d) Về khoa học công nghệ:*

Đẩy mạnh việc triển khai, chuyển giao ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu đạt kết quả cao vào sản xuất và đời sống. Tiếp tục tổ chức các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả cao kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021-2025. Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Kiên Giang năm 2022. Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng.

*đ) Về tài chính - tín dụng:*

- Thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu. Tổ chức quản lý chặt chẽ các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng các nguồn thu; chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch và tiết kiệm, hiệu quả về chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao. Nâng cao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi ngân sách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội.

- Triển khai các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả. Tích cực đẩy mạnh huy động vốn; tập trung tín dụng cho vay các lĩnh vực, ngành ưu tiên, chương trình tín dụng theo chủ trương của Chính phủ, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, dịch vụ ngân hàng nhằm duy trì, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, hạn hán, xâm nhập mặn. Đẩy mạnh thực hiện đề án thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán dịch vụ công qua ngân

hàng. Phần đầu năm 2022, tổng nguồn vốn huy động tăng 6,1%; dư nợ cho vay tăng 11,5%; kiểm soát nợ xấu dưới 3%.

*e) Đầu tư công:*

Chỉ đạo triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân, gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến triển khai thực hiện nghiệm thu, vận hành công trình; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân. Tổ chức rà soát các dự án còn vướng mắc, tồn đọng; khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2021; thực hiện cắt giảm, điều chuyển vốn đối với các dự án giải ngân thấp sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, chủ đầu tư đẩy nhanh các thủ tục, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, nhất là các công trình trọng điểm<sup>55</sup>. Thực hiện nghiêm túc công tác đấu thầu theo hình thức đấu thầu qua mạng đảm bảo đúng quy định. Tăng cường công tác hậu kiểm, đảm bảo tuân thủ các quy định và hiệu quả các dự án đầu tư công. Phần đầu giải ngân đầu tư công năm 2022 đạt từ 90% kế hoạch vốn bố trí.

*g) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế*

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); cải cách hành chính (PAR INDEX) và hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh. Trong đó, tập trung giải quyết tốt 3 nhóm vấn đề “Cải cách hành chính” - “Công khai minh bạch” - “Trách nhiệm giải trình”, phần đầu rút ngắn giải quyết một số thủ tục hành chính; tập trung cải thiện các lĩnh vực: đất đai (giải phóng mặt bằng, giá đất), thuế, đào tạo lao động, an ninh trật tự,...; nâng cao vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp được gặp gỡ, phản ánh những khó khăn, vướng mắc; phát huy hơn nữa chức năng của Trung tâm phục vụ hành chính công. Cải thiện, nâng cao chất lượng, sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với tinh thần, thái độ làm việc của đội ngũ cán bộ tiếp dân trong việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2025; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã điển hình, có quy mô phù hợp, hoạt động hiệu quả. Hỗ trợ hợp tác xã hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp. Tiếp tục khảo sát các sản phẩm chủ lực của hợp tác xã

<sup>55</sup> Tập trung xử lý dứt điểm công tác giải phóng mặt bằng các công trình: đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất; đường 3/2 nối dài (Rạch Giá - Châu Thành); đường ven sông Cái Lớn; đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương,....

để đưa lên sàn giao dịch điện tử của Liên minh Hợp tác xã; phối hợp Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã của Liên minh hợp tác xã Việt Nam và các đối tác hỗ trợ cho các hợp tác xã vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh.

### **3. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm; phát triển đô thị**

- Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nguồn lực từ các thành phần kinh tế tư nhân và vốn tài trợ từ các dự án hợp tác quốc tế. Tích cực thu hút các nguồn vốn FDI, ODA cho các dự án trọng điểm; triển khai kêu gọi đầu tư và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án đã được phê duyệt và công bố; khuyến khích xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường... Tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu năm 2022 huy động vốn đầu tư toàn xã hội từ 41.111 tỷ đồng; trong đó, nguồn vốn đầu tư vào Khu kinh tế Phú Quốc đạt từ 20.000 tỷ đồng, khu công nghiệp tỉnh đạt từ 362 tỷ đồng.

- Hoàn thiện Đề án, bố trí nhân lực và trang thiết bị để nâng cao năng lực Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ là đơn vị tạo quỹ đất, tổ chức đấu giá đất bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển của tỉnh. Đồng thời, cải thiện tiến độ đo đạc, tư vấn lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường; đường bộ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất; cảng hành khách Rạch Giá; cảng hành khách quốc tế Phú Quốc; nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc; đường ven sông Cái Lớn (*đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao*)...

- Khẩn trương lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kế hoạch đề ra, phấn đấu hoàn thành trong quý I/2022. Tiếp tục thực hiện kế hoạch tổng thể lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các huyện, thành phố, trong đó, các đô thị trọng điểm sẽ hoàn thành lập quy hoạch trước tháng 6/2022; còn lại sẽ hoàn thành trong năm 2022, để làm cơ sở quản lý, xây dựng các chương trình phát triển, kêu gọi đầu tư.

### **4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao**

- Đẩy mạnh tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tập trung hoàn thành Đề án sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình. Tăng cường công

tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng hình thức dạy và học trực tuyến qua internet, truyền hình. Hoàn thành việc rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học; đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục từng bước chuẩn hóa và hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Tăng cường đào tạo nghề cho lao động phổ thông, chú trọng đào tạo lao động có tay nghề cao phục vụ khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ. Tăng cường gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo.

## **5. Phát huy giá trị văn hóa; nâng cao chất lượng y tế; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế**

### *a) Phát triển văn hóa - thể dục, thể thao*

Tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn; các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ, các hoạt động vui chơi, giải trí cho người dân phù hợp với diễn biến, tình hình dịch bệnh COVID-19. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - nghệ thuật; chú trọng đưa văn hóa về cơ sở vùng sâu, biên giới, hải đảo. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”,... Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ứng xử văn hóa trong gia đình và cộng đồng dân cư; hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở. Đổi mới nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện tài năng thể thao; ưu tiên đầu tư các môn thể thao có thế mạnh của tỉnh, nâng dần thành tích thể thao so với khu vực và toàn quốc.

### *b) Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân*

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng, nhất là tuyến y tế cơ sở. Tăng cường y tế dự phòng, củng cố năng lực chuẩn bị và ứng phó với dịch bệnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển xã hội hóa y tế; phát triển mô hình bác sĩ gia đình, khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia các hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Rà soát, thực hiện đồng thời các giải pháp phát triển nguồn nhân lực y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân trong tình hình mới. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế gắn với bố trí, sử dụng và tạo nguồn lâu dài, nhất là đào tạo chuyên sâu để phát triển đội ngũ cán bộ y tế chất lượng cao cho các lĩnh vực, chuyên ngành tỉnh còn thiếu. Đẩy mạnh công tác



tuyên truyền, vận động, mở rộng các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, gắn với bảo đảm quyền lợi chính đáng của người tham gia bảo hiểm.

*c) Lao động, giải quyết việc làm và an sinh xã hội*

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin thị trường lao động, nhất là biến động, dịch chuyển lao động do dịch COVID-19. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân trở về từ các tỉnh, thành phố do dịch bệnh COVID-19; trong đó chú trọng thu hút nguồn lao động có tay nghề cao.

- Thực hiện tốt các phong trào đền ơn đáp nghĩa. Tiếp tục tìm kiếm, cất bốc an táng hài cốt liệt sĩ. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh triển khai các chính sách, pháp luật, chương trình hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Tăng cường quản lý giáo dục, chữa bệnh và dạy nghề cho người nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy đa chức năng và cộng đồng.

*d) Công tác dân tộc, tôn giáo*

Thực hiện tốt các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, đặc biệt là Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào, xây dựng lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS; xây dựng củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; từng bước nâng cao đời sống, vươn lên thoát nghèo bền vững, thay đổi tích cực diện mạo nông thôn, vùng đồng bào DTTS.

**6. Về công tác quản lý tài nguyên, môi trường; chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu**

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; đảm bảo khai thác tiết kiệm, hợp lý gắn liền với các giải pháp phục hồi. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm; quan tâm nhiều hơn nữa thu gom, xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường, nhất là tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các cơ sở thu dung, điều trị. Đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các cơ sở, khu vực ô nhiễm đã được cử tri phản ánh nhiều năm qua. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh, khắc phục hiệu quả các sự cố, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phòng, chống thiên tai; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình khắc phục sạt lở, xói lở nghiêm trọng.

## **7. Xây dựng chính quyền; cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thật sự hiệu quả; đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao các chỉ số đo lường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp chính quyền địa phương, như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI)... triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (DDCI). Xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế “một cửa liên thông” trên tất cả các thủ tục hành chính; cắt giảm thủ tục không cần thiết, minh bạch quy định, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Thực hiện có hiệu quả công tác sắp xếp bộ máy nhà nước và kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện thanh tra hành chính, thanh tra theo kế hoạch, đột xuất và thanh tra trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Triển khai thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, theo dõi, đôn đốc, xử lý kiên quyết sau thanh tra.

Tiếp tục cải cách hành chính tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền đối với pháp luật giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Nhân dân ở xã, phường, thị trấn để giảm lượng đơn thư khiếu nại sai, vượt cấp.

## **8. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh công tác đối ngoại.**

Giữ vững quốc phòng - an ninh, tăng cường đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác nắm, đánh giá, dự báo tình hình, chủ động xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống phát sinh, không để bị động bất ngờ. Đảm bảo công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu giao.

Tiếp tục phát huy, nhân rộng mô hình tự quản về an toàn trật tự, tổ chức đấu tranh, tố giác, ngăn chặn có hiệu quả các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức. Tiếp tục kiểm chế gia tăng tội phạm.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông. Phân đấu giảm số vụ tai nạn giao thông so với năm 2021.

Thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại trên biên giới, vùng biển. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm, chấm dứt tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài.

Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động đối ngoại với nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả, nâng cao chất lượng công tác đối ngoại và xây dựng năng lực cạnh tranh phù hợp trong tình hình mới. Duy trì và mở rộng quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác với các tỉnh, thành giáp biên Vương quốc Campuchia và các đối tác truyền thống. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân, tích cực vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các chương trình phát triển kinh tế, các hoạt động nhân đạo...

### **9. Đẩy mạnh công tác thông tin, báo chí, truyền thông**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng thông tin, báo chí, truyền thông. Tăng cường quản lý nhà nước về thông tin trên báo chí, internet; định hướng thông tin, tuyên truyền và phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông. Tăng cường tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện lớn và các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, đặc biệt là về công tác phòng, chống dịch COVID-19 gắn với tuyên truyền “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Tăng cường hoạt động thông tin đối ngoại.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp; thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, thông tin truyền thông tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh trình báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. / *uuee*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (A và B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**

**BIỂU CHỈ TIÊU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2021  
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2022 TỈNH KIÊN GIANG**

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Thực hiện so sánh với Kế hoạch	Năm 2022	Kế hoạch 2022/ So UTH 2021
		Kế hoạch	Ước cả năm		Kế hoạch	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
<b>I. VỀ KINH TẾ</b>						
<b>1. Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)</b>	%	<b>6.01</b>	<b>0.58</b>	<b>Không đạt</b>	<b>6.02</b>	<b>+5.4</b>
Trong đó: -Giá trị gia tăng GRDP	Tỷ đồng	66.356,8 (*)	63.153.7		66.952.4	106.0%
- Nông - Lâm - Thủy sản	%	2.69	0.93		99.91	99.9%
<i>Trong đó: Nông nghiệp và chăn nuôi:</i>			99.88		1.95	
<i>Lâm nghiệp</i>			93.89		7.96	
<i>Thủy sản</i>			102.50		97.05	
- Công Nghiệp - Xây dựng	%	8.08	2.25		10.77	+8.5
<i>Riêng Công nghiệp</i>		8.09	2.30		8.34	+6.0
- Dịch vụ	%	7.23	0.14		10.39	+10.3
- Thuế NK, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10	-5.92		7.50	+14.5
<b>2. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>58.9</b>	<b>58.14</b>	<b>Không đạt</b>	<b>61.30</b>	<b>105.4%</b>
<b>3. Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)</b>	%	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>Không đạt</b>	<b>100</b>	
- Nông - Lâm - Thủy sản	%	31.51	41.92		39.42	-2.5
- Công nghiệp - Xây dựng	%	21.83	20.50		21.45	+1.0
- Dịch vụ	%	42.56	32.33		33.80	+1.5
- Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,11	5.25		5.33	+0.1
<b>4. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản (Giá SS2010)</b>	%	<b>3.16</b>	<b>1.16</b>	<b>Không đạt</b>	<b>Đạt từ 99,09% so cùng kỳ trở lên</b>	<b>99.09%</b>
<b>5. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp (Giá SS2010)</b>	%	<b>8.1</b>	<b>1.71</b>	<b>Không đạt</b>	<b>+8,0%</b>	<b>+6.3</b>
<b>6. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (Giá hiện hành)</b>	%	<b>12</b>	<b>1.02</b>	<b>Không đạt</b>	<b>11.68</b>	<b>+10.7</b>



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Thực hiện so sánh với Kế hoạch	Năm 2022	Kế hoạch 2022/ So UTH 2021
		Kế hoạch	Ước cả năm		Kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7
7. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	11.560	10.105	Không đạt	11.048	+9.0%
8. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	45.699	36.216.3	Không đạt	41.111,9	+13.5%
<i>Trong đó:</i>						
- Vốn đầu tư công	Tỷ đồng	5.198.94	4.321.41	Không đạt	Giải ngân đạt từ 90% trở lên (4.611,9 tỷ)	+6,7%
- Khu kinh tế Phú Quốc	Tỷ đồng	20.000	20.500	Vượt	20.000	97,5%
- Khu kinh tế tỉnh	Tỷ đồng	614.90	316.35	Không đạt	362	+1.1
9. Tỷ lệ đô thị hóa	%	32.19	34.49	Vượt	35.60	+1.1
<b>II. VỀ XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>						
10. Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia (bậc tiểu học)	%	>47	47.64	Vượt	52.00	+4.4
11. Tỷ lệ huy động huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường	%	>97	97.02	Vượt	97.20	+0.2
12. Số lượt lao động được giải quyết việc làm	Lượt người	35.000	33.860	Không đạt	35.000	+1.0
13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	69.00	68.72	Không đạt	70.50	+1.8
<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ</i>						
14. Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	Thêm 9 xã	Thêm 9 xã	Đạt	Thêm 14 xã	+1.6
- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã				3	
- Xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	Xã				1	
15. Số huyện đạt tiêu chí NTM	Xã	Thêm 3 huyện	Thêm 3 huyện	Đạt	Thêm 2 huyện	+0.7
16. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	95	98.61	Vượt	98.61	+0.0
17. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân	%	9.62	9.75	Vượt	9.83	+0.1
18. Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân	Giường/ Vạn dân	31.21	31.39	Vượt	32.00	+0.6
19. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	Giảm 1%	Giảm 1%	Đạt	Giảm 1%	
20. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>90	83.76	Không đạt	>90	+6.2



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Thực hiện so sánh với Kế hoạch	Năm 2022	Kế hoạch 2022/ So UTH 2021
		Kế hoạch	Ước cả năm		Kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7
21. Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch (**)	Xã	88	89.41	Vượt	88.33	98.8%
22. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch	%	62	62.0	Đạt	64.1	+2.1
23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	93	99.58	Vượt	>96	
<i>Trong đó: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế</i>	%	98	98.00	Đạt	>98%	
24. Tỷ lệ che phủ rừng	%	11.00	11.00	Đạt	11.0	

**Ghi chú:**

Trong 24 chỉ tiêu có 11 chỉ tiêu không đạt kế hoạch; 5 chỉ tiêu đạt và 8 chỉ tiêu vượt kế hoạch

(\*) Số kế hoạch năm 2021 điều chỉnh lại theo số công bố của Tổng cục thống kê

(\*\*) Năm 2022 có đưa vào tính đô thị Thứ 7, tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch khoảng 58%.

